TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14/4/2023
"V/v tranh chấp về ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ánh Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thám.

2. Ông Phan Đình Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 14/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 185/2022/TLST-HNGĐ ngày 12/12/2022 "Về việc tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03/4/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1968; địa chỉ: 2x BTX, Tổ C, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn S, sinh năm 1966; địa chỉ: 2x BTX, Tổ C, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Đ trình bày: Bà Đ và ông Trần Văn S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992 cho đến nay, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hiểu tính nhau, khác nhau về quan điểm sống và không còn tình cảm. Hiện nay, bà Đ và ông S không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với ông S. Về con chung: Bà Đ và ông S có 05 con chung là Trần Thị N, sinh ngày 22/01/1993; Trần Văn H, sinh ngày 28/8/1994;

Trần Thị T, sinh ngày 24/9/1996; Trần Thị Hưởng L, sinh ngày 15/7/2003 và Trần Thị Hưởng Th, sinh ngày 27/10/2005. Bà Đ đề nghị được nuôi dưỡng cháu Th và không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với các con chung là N, H, T và L hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản và nợ chung: Bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn S mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần Tòa án triệu tập đến hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phát biểu ý kiến: Xét thấy bà Đ và ông S phát sinh mâu thuẫn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên cần chấp nhận yêu cầu của bà Đ. Vì bà Đ và ông S không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đề nghị tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Về con chung: Các con chung là N, H, T và L đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết. Đối với cháu Trần Thị Hưởng Th, chưa thành niên nên giao cho bà Đ chăm sóc nuôi dưỡng. Về tài sản và nợ chung: Bà Đ và ông S không yêu cầu nên không đề cập. Về án phí, bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Phạm Thị Đ yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn S, sinh năm 1966; địa chỉ: 2x BTX, Tổ C, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A. Bị đơn ông Trần Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông S.

[2] Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Đ và ông Trần Văn S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992 cho đến nay, không đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân không hợp pháp. Quá trình chung sống, bà Đ và ông S đã xảy ra mâu thuẫn nên không thể tiếp tục chung sống với nhau. Do đó, bà Đ có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông S. Hội đồng xét xử xét thấy, việc bà Đ và ông S không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đ và ông S.

[3] Về con chung: Bà Đ và ông S có 05 con chung là Trần Thị N, sinh ngày 22/01/1993; Trần Văn H, sinh ngày 28/8/1994; Trần Thị T, sinh ngày 24/9/1996; Trần Thị Hưởng L, sinh ngày 15/7/2003 và Trần Thị Hưởng Th, sinh ngày 27/10/2005. Hiện nay, các con chung là N, H, T và L đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với con chung là Trần Thị Hưởng Th chưa thành niên, bà Đ đề nghị được nuôi dưỡng cháu Th. Hội đồng xét xử xét thấy, vì lợi ích của con chung, hiện nay cháu Th đang được bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Th cũng có nguyện vọng được bà Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, cần giao cháu Trần Thị Hưởng Th cho bà Đ được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà Đ không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đ và ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn ông S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Đ.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị Đ và ông Trần Văn S.

- Về nuôi con chung: Giao cho bà Phạm Thị Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thị Hưởng Th, sinh ngày 27/10/2005, khi cháu Th chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Bà Đ không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Bà Phạm Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 0006504 ngày 12/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Khê; bà Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (14/4/2023), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn trên đối với người vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX. A;
- UBND phường A, TX. A, tỉnh Gia Lai (để lưu);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Đồng Ánh Đông